

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 10/CV-VLXD20 ngày 15/3/2026 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 20 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-SNNMT ngày 25/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 20, địa chỉ tại thôn 18, xã Cư M'ta, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất gạch Tuynel theo công nghệ bán đảo tại thôn 18, xã Cư M'ta, tỉnh Đăk Lăk, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất gạch Tuynel theo công nghệ bán đảo.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn 18, xã Cư M'ta, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6000105733 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk (nay Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk) cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/4/2007 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/5/2025.

1.4. Mã số thuế: 6000105733.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch Tuynel.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 16.944,69 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: 38 triệu viên/năm.

- Quy trình sản xuất: (Nguyên liệu → Máy nghiền búa) + (Than → Máy nghiền búa → Băng tải) → Phối trộn → Băng tải → Máy cán thô → Băng tải → Máy cán tinh → Máy nhào lọc 2 trục có lưới lọc → Máy nhào, đùn ép liên hợp có chân không → Bàn cắt tự động → Băng tải gạch mộc → Xe bàn → Hệ cán kính phơi gạch mộc → Goong sấy → Lò sấy Tuynel → Xe phà 1 → 02 Lò nung Tuynel → Xe cải tiến bánh hơi → Kho thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 20:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 20 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp UBND xã Cư M'ta tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
 - TTCN và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - UBND xã Cư M'ta;
 - Cty CP Vật liệu xây dựng 20;
- (Đ/c: thôn 18, xã Cư M'ta, tỉnh Đắk Lắk)
- Lưu VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống xử lý nước thải với công suất 3m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải Đô thị, Khu dân cư tập trung sau đó tái sử dụng trong khuôn viên dự án (đội rửa nhà vệ sinh), không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Nước trong bể hấp thụ xử lý khí thải lò nung – sấy được sử dụng tuần hoàn, nước được bổ sung định kỳ để bù lượng hao hụt do bay hơi, không thải ra môi trường.

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh khoảng 2,16 m³/ngày đêm, nước thải được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó đưa vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 3m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý tái sử dụng trong khuôn viên dự án (đội rửa nhà vệ sinh), không xả thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò nung - sấy: Nước trong bể hấp thụ xử lý khí thải được sử dụng bơm tuần hoàn nên không phát sinh nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (01 bể, dung tích 11,76m³) sau đó được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 3m³/ngày đêm.

+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt (được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể điều hoà → Bể SBR → Cột lọc áp lực → Nước thải sau

khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải Đô thị, Khu dân cư tập trung, sau đó tái sử dụng trong khuôn viên dự án.

+ Công suất thiết kế của hệ thống xử lý: 3m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine 70 %; Mật rỉ đường hoặc các chất khác có tính chất tương đương.

- Quy trình công nghệ xử lý từ hoạt động lò nung - sấy: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò nung – lò sấy → bể chứa dung dịch hấp thụ → tái sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng hoạt động của hệ thống để có biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố kịp thời.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Khi có sự cố xảy ra, tùy theo mức độ chủ đầu tư sẽ tự xử lý hoặc báo cho các cơ quan chức năng về môi trường để cùng phối hợp có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm i khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép, sau đó tái sử dụng cho hoạt động dự án, không xả ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải

3.4. Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 20 chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải, không thải ra môi trường, đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này và thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định khi có sự cố xảy ra.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của lò nung - sấy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải: 01 (Một) dòng khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của lò nung - sấy.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng thải số 01: Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải, tọa độ: X=1405205.581; Y= 529541.603 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 175.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn theo chế độ làm việc của Nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT cột C | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động liên tục |
|----|-----------------|--------------------|---|----------------------------|---|
| 1 | Nhiệt độ | - | - | 6 tháng/lần | Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP |
| 2 | Bụi | mg/Nm ³ | ≤ 100 | | |
| 3 | SO ₂ | mg/Nm ³ | ≤ 350 | | |
| 4 | NO _x | mg/Nm ³ | ≤ 500 | | |
| 5 | CO | mg/Nm ³ | ≤ 450 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh đưa về hệ thống xử lý: Bụi và khí thải phát sinh từ lò nung – sấy với công suất 175.000m³/giờ. Bụi và khí thải được thu gom qua đường ống bằng vật liệu thép không gỉ (SUS304) có đường kính D1800mm, sau đó qua quạt hút trước khi đưa về thiết bị xử lý bụi, khí thải. Bụi sẽ được giữ lại đáy bể, khí thải sau khi xử lý qua đường ống khói D2700mm, cao 50m. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra môi trường

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ (Dung dịch hấp thụ (Ca(OH)₂) được bơm từ trên xuống tạo phun mưa) → Ống khói cao 50m → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (cột C).

- Công suất thiết kế: 175.000 m³/giờ.

- Hoá chất sử dụng: Hóa chất Ca (OH)₂ hoặc các chất khác có tính chất tương đương.

- Yêu cầu ống thoát khí thải phải có điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi lưu thoát ra ngoài môi trường.

- Xây dựng quy trình vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án.

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra mức độ an toàn của hệ thống lò hơi theo đúng quy trình, thời hạn quy định.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải. Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp phối hợp và kịp thời khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm: Khi hệ thống xử lý bụi, khí thải được đầu tư xây dựng hoàn thiện và Dự án đi vào hoạt động thử nghiệm để đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò nung - lò sấy có công suất 175.000 m³/giờ

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói cao 50m, tọa độ: X= 1405205.581; Y= 529541.603 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến 108⁰30', múi chiều 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc đối với công trình xử lý bụi, khí thải trong vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, liên tục các hệ thống thu gom, xử lý lượng bụi, khí thải phát sinh; bảo đảm lượng không khí sạch thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp; điểm (cửa) lấy mẫu, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3.4. Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành các công trình xử lý khí thải.

3.6. Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 20 chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy cấp liệu;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy nghiền - cán;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy nhào trộn;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy nhào đùn;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực lò nung - sấy.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn: Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

| STT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA) | | | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|-------------------------|-----------|
| | Ngày (06h -trước 18h) | Tối (18h-trước 22h) | Đêm (22h- trước 06h) | |
| 1 | 70 | 65 | 60 | Khu vực E |

2.1. Độ rung: Quy chuẩn QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

| STT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) | | Ghi chú |
|-----|--|---------------------------|-----------|
| | Ngày (06:00 ~ trước 22:00) | Đêm (22:00 ~ trước 06:00) | |
| 1 | 75 | 70 | Khu vực D |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Tự động hoá quá trình sản xuất; đầu tư máy móc sản xuất mới, hiện đại; bố trí máy móc hợp lý, không bố trí nhiều máy gây ồn gần nhau gây cộng hưởng tiếng ồn; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong dự án;

trang bị và yêu cầu người lao động đeo nút bịt tai trong quá trình làm việc ở những nơi phát sinh độ ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Các máy móc tạo ra sự rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng và có đệm lót cao su chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| STT | Thành phần | Mã chất thải nguy hại | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------|--|-----------------------|---------------------|
| 1 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | 20 |
| 2 | Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác | 17 02 04 | 10 |
| 3 | Bóng đèn huỳnh quang | 16 01 06 | 5 |
| 4 | Hộp mực in | 08 02 04 | 5 |
| Tổng cộng | | | 40 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

| STT | Tên chất thải | Khối lượng phát sinh (kg/ngày) |
|------------------|--|--------------------------------|
| 1 | Chất thải rắn từ xỉ than cám sau quá trình đốt tại lò nung | 696 |
| 2 | Bùn từ hệ thống xử lý nước thải | 0,36 |
| Tổng cộng | | 696,36 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2 kg/ngày. Thành phần chính chủ yếu gồm bao bì nilon, bìa carton, vỏ lon...

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Bùn cặn từ hệ thống xử lý khí thải với khối lượng phát sinh 3kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải được xây

dụng riêng biệt, kín, có mái che, nền được tráng vữa chống thấm nước, có bảng tên, ký hiệu. Bố trí ở góc phía Tây Nam gần cổng ra vào Nhà máy.

- Thiết bị chứa: 03 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải trong hoạt động sản xuất của dự án được thu gom vào các bao chứa, tập kết tại khu vực chứa nguyên liệu đầu vào và tận dụng hết cho quá trình sản xuất (trộn làm nguyên liệu sản xuất gạch) không phát thải ra ngoài môi trường.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Công ty sẽ bố trí 5 thùng chứa rác có nắp đậy với dung tích 25 lít. Thiết bị lưu chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực văn phòng để thu gom rác hằng ngày.

- Khu vực lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt được tập kết tại góc phía Tây Nam nhà máy (gần cổng vào) và chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tại địa phương với tần suất 3 lần/tuần.

2.4. Cặn thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò nung – lò sấy được thu gom, quản lý và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường...

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh).

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án không có hạng mục, công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản

quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.